

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH B**

Bản án số: 54/2023/HSST

Ngày: 02/3/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Toàn, bà Lương Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 274/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: Nguyễn Hữu T; Giới tính: nam; Sinh ngày 08 tháng 03 năm 2004 tại B; Nơi ĐKKHKT: Khu phố E, phường Thanh Hải, thành phố P, tỉnh B; Chỗ ở: Khu phố 2, phường Phú Tài, thành phố P; tỉnh B; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: T chúa giáo; Trình độ học vấn: 07/12, Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn Hữu Trung, sinh năm 1972, Mẹ: Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1965; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2/Họ và tên: Bùi Đình H; Giới tính: nam; Sinh ngày 11 tháng 10 năm 2005 tại B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khu phố 5, phường Đức Long, thành phố P, tỉnh B; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/12, Nghề nghiệp: không; Cha: Bùi Đình Hóa, sinh năm 1982, Mẹ: Phạm Thị Nở, sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3/Họ và tên: Trần Quang W; Giới tính: nam; Sinh ngày 27 tháng 01 năm 2003 tại B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khu phố Phú Thịnh, thị trấn Phú Long, huyện H, tỉnh B; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: không; Cha: Trần Văn Tâm (đã ly hôn), Mẹ: Nguyễn Thị T Hà,

sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4/Họ và tên: Nguyễn Trường Q; Giới tính: nam; Sinh ngày 20 tháng 7 năm 2005 tại B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố C, phường Thanh Hải, thành phố P; tỉnh B; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: T chúa giáo; Trình độ học vấn: 7/12, Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn Ngọc Hải, sinh năm 1973; Mẹ: Hoàng Thị Hà, sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5/Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T; Giới tính: nữ; Sinh ngày 23 tháng 6 năm 2006 tại B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố 6, phường Phú Tài, thành phố P, tỉnh B; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 07/12, Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1979; Mẹ: Phan Thị Thảo, sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6/Họ và tên: Lê Thành D; Giới tính: nam; Sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002 tại B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố 4, phường Đức Thắng, thành phố P, tỉnh B; Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 4/12, Nghề nghiệp: không; Cha: không rõ, Mẹ: Lê Thị Liễu, sinh năm 1987; Tiền án, Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 14/4/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 50/2021/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/8/2021 (khi thực hiện hành vi phạm tội D chưa đủ 18 tuổi). Ngày 11/01/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 03/2022/HSST. Lê Thành D đang chấp hành bản án số 03/2022/HSST tại trại giam Huy Khiêm.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Bùi Đình Hóa, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đức Long, thành phố P, tỉnh B (Cha của bị cáo H).

2. Nguyễn Ngọc Hải, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố C, phường Thanh Hải, thành phố P, tỉnh B (Cha của bị cáo Q).

3. Phan Thị Thảo, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố 6, phường Phú Tài, thành phố P, tỉnh B (Mẹ của bị cáo T).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Nguyễn Thị Kiều Châu, sinh năm 1973 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B, bào chữa cho bị cáo Bùi Đình H và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T.

Ông Đỗ Minh Trúc, sinh năm 1978 – Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Trường Q.

- Người bị hại:

1. Trần Xuân Cảnh, sinh ngày 24/6/2005. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B.

2. Nguyễn Hữu Đạt, sinh ngày 28/9/2005. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B.

3. Nguyễn Ngọc Lâm, sinh ngày 01/02/2004. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Võ Thị Thu Phương, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B (Mẹ của Trần Xuân Cảnh)

2. Trần Thị Hồng Vân, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B (Mẹ của Nguyễn Hữu Đạt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Minh Toàn, sinh ngày 30/7/2005. Địa chỉ: Khu phố 2, phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B.

2. Võ Thị Bích Trâm, sinh ngày 20/6/2007. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B.

3. Nguyễn Chí Khang, sinh ngày 02/3/2004. Địa chỉ: Khu phố E, phường Thanh Hải, thành phố P, tỉnh B.

4. Ngô Tấn Tài, sinh ngày 01/01/2005 (theo giấy khai sinh trễ hạn). Địa chỉ: Khu phố 6, phường Bình H, thành phố P, tỉnh B

5. Trần Văn Bình, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Bình H, thành phố P, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tăng Thị Kim Liên, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố 2, phường Mũi Né, thành phố P, tỉnh B (mẹ của Nguyễn Minh Toàn)

2. Trần Thị Tư, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Phú Hải, thành phố P, tỉnh B (Bà nội của Võ Thị Bích Trâm).

3. Ngô Thị Tuyền, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố 6, phường Bình H, thành phố P, tỉnh B (mẹ Ngô Tấn Tài)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 14/12/2020, Bùi Đình H, Nguyễn Trường Q, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc T, Trần Quang W, Lê Thành D, Nguyễn Minh Toàn (sinh ngày 30/7/2005, trú tại khu phố 2, phường Mũi Né), Võ Thị Bích Trâm (sinh ngày 20/6/2007, trú tại khu phố 4, phường Phú Hải), Ngô Tấn Tài (sinh ngày 01/01/2005, trú tại khu phố 6, phường Bình H) và Nguyễn Chí Khang (sinh ngày 02/03/2004, trú tại khu phố E, phường Thanh Hải, thành phố P) đến nhà bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết (sinh năm 1978, trú tại khu phố E, phường Thanh Hải) chơi. Đến khoảng 13 giờ

cùng ngày, T mượn xe mô tô biển số 86K7 – 0189 của Khang chở Trâm đi về nhà T. Cùng lúc này, Toàn lấy xe mô tô (không rõ biển số) của Toàn chở D đến tiệm Net Sóng Biển (thuộc khu phố E, phường Thanh Hải) chơi game. T và Trâm điều khiển xe mô tô đi đến Cảng cá Thanh Hải (thuộc khu phố E, phường Thanh Hải) thì nhìn thấy Trần Xuân Cảnh (sinh năm 24/6/2005), Nguyễn Ngọc Lâm (sinh ngày 01/02/2004) cùng trú tại khu phố 4, phường Phú Hải và Nguyễn Hữu Đạt (sinh ngày 28/9/2005, trú tại khu phố 3, phường Phú Hải). Trâm và T tưởng Cảnh, Lâm và Đạt là người trong nhóm Ngọc Hải (là nhóm có mâu thuẫn với nhóm của T, H trước đó) nên T và Trâm quay về lại nhà bà Tuyết nói với H “đám Ngọc Hải đang ở cảng cá Thanh Hải”. Nghe T và Trâm nói vậy, H lấy kiếm tự tạo H giấu trước đó ở sau bếp nhà bà Tuyết giấu trong người rồi bảo Tài lấy xe mô tô biển số 86K7 – 0189 của Khang chở H ra cảng cá Thanh Hải để gặp nhóm Ngọc Hải giải quyết mâu thuẫn. Đến nơi, H và Tài thấy Cảnh, Lâm, Đạt đang cùng đi trên chiếc xe mô tô biển số 86C2 – 014.72, H nghi ngờ Cảnh, Lâm, Đạt là người của nhóm Ngọc Hải nên bảo Tài điều khiển xe mô tô ép Cảnh, Lâm, Đạt dừng xe vào lề đường. Sau đó, H xuống xe rồi hỏi Cảnh, Lâm, Đạt “tụi mày có phải nhóm Ngọc Hải không?” thì Đạt trả lời “không phải”. H buộc Cảnh qua xe mô tô để Tài chở Cảnh không đồng ý nên H vén áo lên để lộ cây kiếm tự tạo nhằm mục đích hù dọa Đạt, Cảnh và Lâm. Thấy H có mang hung khí, Cảnh sợ nên qua xe mô tô để Tài chở về nhà bà Tuyết. H ngồi phía sau xe mô tô của Đạt không chế Đạt điều khiển xe chở Lâm và H đến quán nét Sóng Biển để gặp Lê Thành D và Nguyễn Minh Toàn đang chơi game tại đây. H gọi D và Toàn ra H chỉ có D ra gặp H còn Toàn vẫn tiếp tục chơi game. H nói với D “mới bắt được mấy thằng trong nhóm Ngọc Hải” và bảo D đi cùng H để đưa Đạt, Lâm về nhà bà Tuyết thì D đồng ý. D ngồi lên xe cùng H không chế buộc Đạt chở Lâm, H và D về đến nhà bà Tuyết thì D xuống xe dẫn Lâm, Đạt vào phòng khách nhà bà Tuyết còn H rủ Q lấy xe mô tô biển số 86C2 – 014.72 của Đạt đi ra Cảng cá Thanh Hải chơi. D dẫn Đạt và Lâm vào nhà bà Tuyết thì thấy Tài đã đưa Cảnh về ngồi tại phòng khách trước đó. Tại phòng khách nhà bà Tuyết, Đạt, Cảnh và Lâm bị D tra hỏi “tụi mày có phải đám Ngọc Hải không” thì Đạt lúc trả lời phải, lúc trả lời không nên Tài đứng bên cạnh vừa hỏi vừa dùng tay và chân đánh vào mặt và người của Đạt. T lấy cây kiếm tự tạo đã giấu trước đó phía sau bếp nhà bà Tuyết giơ lên dọa chém Đạt, Cảnh, Lâm thì Đạt trả lời “Đạt, Cảnh, Lâm không phải trong nhóm Ngọc Hải mà chỉ biết nhóm Ngọc Hải”. Sau đó, D đi ra quán nét Sóng Biển tiếp tục chơi game.

Trong lúc D, T và Tài đe dọa, tra hỏi Đạt, Cảnh, Lâm thì T, W, Trâm, Khang ngồi trong nhà bà Tuyết nh không tham gia gì.

Khoảng 15 phút sau, H và Q về lại nhà bà Tuyết. H vào phòng khách tiếp tục tra hỏi Đạt, Cảnh và Lâm về việc có phải người trong nhóm Ngọc Hải không. Lúc này, T, W và Q đứng gần xe mô tô biển số 86C2 – 014.72 của Đạt đang dựng bên hông nhà (do H và Q đi về dựng ở đây). Thấy xe có cắm sẵn chìa khóa nên W định

lấy xe chạy thử T không cho. W nói với Q và T “mở cốp xe ra xem có gì trong đó?” thì W, Q và T cùng mở cốp xe nhưng không mở được. Q đứng bên ngoài nói vào phòng khách “ai biết mở cốp xe” thì Cảnh trả lời “em” nên Q bảo Cảnh ra mở cốp xe. Cảnh mở bung cốp xe mô tô biển số 86C2 – 014.72 của Đạt thì Q, T và W nhìn thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc điện thoại hiệu Realme 3 của Cảnh và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus của Đạt. T lấy điện thoại Iphone 7 Plus còn W lấy điện thoại realme 3.

Lúc này, H dẫn Đạt, Cảnh và Lâm ra ngồi đối diện với xe mô tô biển số 86C2 – 014.72. H nhìn thấy T cầm điện thoại Iphone 7 plus thì giật lấy, thấy điện thoại có cài mật khẩu nên H hỏi Đạt, Cảnh và Lâm “đây là điện thoại của ai?” thì Đạt trả lời “của em”. H yêu cầu Đạt đọc mật khẩu nhưng Đạt không đọc thì bị T cầm cây kiếm tự tạo giơ lên dọa chém Đạt. Do sợ bị T chém nên Đạt đọc mật khẩu điện thoại cho H. Sau đó, H đem theo điện thoại Iphone 7 Plus cùng với Q lấy xe mô tô của Đạt đi chơi.

Đối với W, sau khi lấy điện thoại Realme 3 của Cảnh thì yêu cầu Cảnh cung cấp mật khẩu điện thoại sau đó W cầm chơi được khoảng 15 phút thì T nhìn thấy và lấy điện thoại từ tay W. Lúc này, D đi chơi game về thì nhìn thấy T lấy điện thoại từ tay W, biết đó là điện thoại của Cảnh nên D rủ T mang điện thoại đi cầm thế lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. D lấy xe của Toàn (xe của cấm sẵn chìa khóa) chở T đến tiệm điện thoại do anh Trần Văn Bình (sinh năm 1992, trú tại khu phố 3, phường Bình H, thành phố P) làm chủ cầm được 700.000 đồng. Khi cầm thế, D nói với anh Bình là điện thoại của D. Sau đó D đưa cho T 100.000 đồng, số tiền còn lại D giữ.

Trong lúc H và Q đi chơi, D và T đi cầm thế chiếc điện thoại Realme 3 thì Trâm, T, Tài, W, Toàn đưa Đạt, Cảnh và Lâm ra khu vực trước trường THCS Lương Thế Vinh (thuộc khu phố E, phường Thanh Hải) ngồi uống nước. Một lúc sau, H và Q đi đến trả xe mô tô biển số 86C2 – 014.72 cho Đạt đồng thời thả Đạt, Cảnh và Lâm về nhà.

Đến khoảng 19 giờ phút cùng ngày, T, D, H, W, Tài, Trâm, Khang, Toàn, T và Q tập trung tại nhà bà Tuyết. H rủ D đem điện thoại Iphone 7 plus của Đạt đi cầm thế thì T nói “lấy điện thoại của T đi cầm thế, để điện thoại của Đạt cho T sử dụng” nhưng H không đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô của Toàn chở H đến tiệm điện thoại của anh Trần Văn Bình cầm thế với giá 2.000.000 đồng. H chia cho D 300.000 đồng còn H giữ 1.700.000 đồng. Sau đó H và D đi mua ma túy về nhà bà Tuyết cùng sử dụng với W, Tài, Khang, T.

Đến sáng ngày 15/12/2020, Trần Xuân Cảnh, Nguyễn Ngọc Lâm và Nguyễn Hữu Đạt đến Công an phường Thanh Hải trình báo sự việc. Cơ quan công an đã triệu tập Bùi Đình H, Võ Thị Bích Trâm, Nguyễn Trường Q, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc T, Trần Quang W, Lê Thành D, Ngô Tấn Tài về làm việc. Tại đây, H, Trâm, Q, T, T, W, D và Tài đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 thanh kim loại có 01 đầu nhọn, 01 đầu bằng, 01 cạnh được mài sắc, kích thước khoảng 60cm và 01 cây kiếm bằng kim loại, có cán cầm bằng gỗ, kích thước 48cm (do Bùi Đình H giao nộp).

- 01 xe mô tô WAYTHAI, màu sơn xanh, biển số 86K7 – 0189, số khung: DCH043TT*01727, số máy J1P52FMH*001727 và giấy đăng ký xe mô biển số 86K7 – 0189 (do Nguyễn Văn Tây – sinh năm 1982, trú tại khu phố E, phường Thanh Hải, thành phố P, là cha ruột của Nguyễn Chí Khang giao nộp).

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xanh hiệu Realme 3, số imei: 869566042733733 và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen hiệu Iphone 7 Plus, số imei: 359177075969751 (do Trần Văn Bình giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận:

01 chiếc điện thoại di động hiệu iphone 7 Plus, số imei: 359177075969751, trị giá 9.000.000 đồng. 01 chiếc điện thoại hiệu Realme, số imei: 869566042733733, trị giá 3.120.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 12.120.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 5359, ngày 23/10/2020 của Viện khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh kết luận Lê Thành D có độ tuổi như sau (trung cầu giám định trong vụ án khác):

“...Qua quá trình khám lâm sàng và kết luận cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 10/2020) Lê Thành D có độ tuổi từ 18 năm 03 tháng đến 18 năm 09 tháng..”.

Như vậy tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 14/12/2020), D có độ tuổi từ 18 năm 05 tháng đến 18 năm 11 tháng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2091, ngày 13/04/2022 của Viện khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh kết luận Ngô Tấn Tài có độ tuổi như sau: “...Qua quá trình khám lâm sàng và kết luận cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 04/2022) Ngô Tấn Tài có độ tuổi từ 15 năm 09 tháng đến 16 năm 03 tháng...”

Như vậy tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 14/12/2020) Tài có độ tuổi từ 14 năm 05 tháng đến 14 năm 11 tháng.

Xử lý vật chứng và dân sự:

Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus cho Nguyễn Hữu Đạt và điện thoại Realme 3 cho Trần Xuân Cảnh. Đạt và Cảnh đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với xe mô tô biển số 86K7 – 0189 do chị Ngô Thị Thu Trang (sinh năm 1971, trú tại khu phố 2, phường Đức Long, thành phố P) đứng tên sở hữu. Tháng 11/2020, chị Trang đã bán chiếc xe nêu trên cho anh Nguyễn Văn Tây (sinh năm 1982, trú khu phố E, phường Thanh Hải, thành phố P, là cha của Nguyễn Chí Khang)

với giá 5.000.000 đồng. Vào ngày 14/12/2022, Khang tự ý lấy xe đi chơi anh Tây không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh Tây, anh Tây đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với 01 thanh kim loại có 01 đầu nhọn, 01 đầu bằng, 01 cạnh được mài sắc, kích thước khoảng 60cm và 01 cây kiếm bằng kim loại, có cán cầm bằng gỗ, kích thước 48cm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P chuyển đến Chi cục THADS bảo quản chờ xử lý.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B truy tố tại bản cáo trạng số 213/CT-VKS-HS ngày 30/11/2022, đối với các bị cáo như sau:

- Nguyễn Hữu T về tội “Giữ người trái pháp luật” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự và “Cướp tài sản” theo điểm d, e khoản 2 Điều 168 BLHS.

- Bùi Đình H, Nguyễn Trường Q, Trần Quang W và Nguyễn Thị Ngọc T cùng về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 168 BLHS.

- Lê Thành D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm xử lý và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Căn cứ vào: điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hữu T 14 – 18 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 04 năm 6 tháng đến 5 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

*Căn cứ vào: điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Trần Quang W 03 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tù.

*Căn cứ vào: điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Bùi Đình H 03 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

*Căn cứ vào: điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Trường Q 02 năm 6 tháng đến 3 năm tù.

*Căn cứ vào: điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 54; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù.

*Căn cứ vào: điểm đ, e khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt: bị cáo Lê Thành D 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 6 đến 9 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt và tổng hợp bản án đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là thanh sắt và cây kiếm.

Người bào chữa cho các bị cáo H, Q, T thống nhất về quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo. Người bào chữa nêu các tình tiết giảm nhẹ là các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ, các bị cáo khi phạm tội đều dưới 16 tuổi. Đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận, các bị cáo xin HĐXX xem xét xử mức án nhẹ.

Các đại diện bị cáo xin HĐXX xem xét xử nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ xác định hành vi: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo được nêu trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P là đúng thực tế. Nhận thấy lời khai của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định:

Do nghi ngờ Nguyễn Hữu Đạt, Trần Xuân Cảnh và Nguyễn Ngọc Lâm là người trong nhóm Ngọc Hải nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/12/2020, tại cảng cá Thanh Hải (thuộc khu phố E, phường Thanh Hải, thành phố P), Bùi Đình H mang theo kiếm, điều khiển xe mô tô biển số 86K7 – 0189 cùng với Ngô Tấn Tài, Lê Thành D có hành vi bắt Đạt, Cảnh và Lâm về nhà bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết ở khu phố E, phường Thanh Hải và giữ tại đây. Trong quá trình giữ Cảnh, Lâm và Đạt tại phòng khách nhà bà Tuyết, D và H tra hỏi, Tài dùng tay, chân đánh vào người Đạt, T cầm dao gíơ lên dọa chém Đạt, Cảnh và Lâm. Trong lúc Đạt, Cảnh, Lâm đang sợ vì bị H, D, Tài, T giữ và tra hỏi không có khả năng bảo vệ tài sản, Q, W và T mở cốp xe mô tô biển số 86C2 – 014.72 của Đạt chiếm đoạt 01 chiếc Iphone 7 Plus của Đạt và 01 điện thoại realme 3 của Cảnh. H nhìn thấy T cầm điện thoại Iphone 7 plus thì giật điện thoại từ tay T rồi yêu cầu Đạt cung cấp mật khẩu nH Đạt không đồng ý thì bị T cầm cây kiếm tự tạo gíơ lên đe dọa nên Đạt đã đọc mật khẩu điện thoại cho H. Đối với chiếc điện thoại realme 3, sau khi chiếm đoạt, W cầm sử dụng thì bị T lấy sau đó T cùng D đi cầm thế điện thoại Realme 3 cho Trần Văn Bình với giá 700.000 đồng; D và H đi cầm thế điện thoại Iphone 7plus cho Bình với giá 2.000.000 đồng. Số tiền cầm thế điện thoại, D, T, H mua ma túy cùng sử dụng với W và Khang.

Lê Thành D cùng với Bùi Đình H và Ngô Tấn Tài đã có hành vi bắt Nguyễn Hữu Đạt, Trần Xuân Cảnh và Nguyễn Ngọc Lâm về giữ tại nhà bà Tuyết. Tại đây, D và H cùng nhau tra hỏi, Tài dùng tay chân đánh Đạt. Tại thời điểm bị bắt giữ, Đạt, Cảnh và Lâm đều dưới 18 tuổi, trong đó Đạt và Cảnh dưới 16 tuổi, nên hành vi của D đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” với các tình tiết định khung hình phạt “*đối với 02 người trở lên*” và “*đối với người dưới 18 tuổi*” theo quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Hữu T không tham gia cùng với D, H và Tài bắt Đạt, Cảnh, Lâm nhưng khi D, H, Tài đưa các bị hại về nhà bà Tuyết, T đã tiếp nhận ý chí về việc giữ các bị hại tại nhà bà Tuyết nên đã có hành vi tra hỏi và dùng kiếm đe dọa các bị hại. Do đó, hành vi của T đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật” với các tình tiết định khung hình phạt “*đối với 02 người trở lên*” và “*đối với người dưới 18 tuổi*” theo quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Trong lúc Đạt, Cảnh và Lâm đang bị khống chế, giữ tại phòng khách nhà bà Tuyết không có khả năng bảo vệ tài sản thì Trần Quang W, Nguyễn Trường Q, Nguyễn Thị Ngọc T mở cốp xe mô tô biển số 86C2 – 014.72 chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus của Đạt và 01 chiếc điện thoại Realme 3 của Cảnh. Sau khi chiếm đoạt điện thoại của các bị hại, do không có mật khẩu để mở khóa điện thoại nên T dùng kiếm đe dọa buộc Đạt cung cấp mật khẩu cho H. Do đó, Trần Quang W, Nguyễn Trường Q, Nguyễn Ngọc T, Bùi Đình H, phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “*đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 BLHS.

Riêng đối với Nguyễn Hữu T có hành vi dùng kiếm đe dọa, buộc Đạt đọc mật khẩu điện thoại cho H nên T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết định khung hình phạt “*sử dụng phương tiện nguy hiểm*” và “*đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Lê Thành D không tham gia cướp tài sản của Đạt và Cảnh, D biết rõ hai chiếc điện thoại là do H, Q, W, T và T chiếm đoạt của các bị hại nhưng vẫn cùng với H và T đem hai chiếc điện thoại này đi cầm thế cho anh Trần Văn Bình lấy tiền tiêu xài. Vì vậy D chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố các bị cáo theo các tội và điều luật như đã nêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bùi Đình H và Ngô Tấn Tài có hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Tại thời điểm H, T, Q, W và T cướp tài sản của Đạt và Cảnh thì lúc này Tài đứng trong phòng khách không tham gia nên Tài chứng kiến sự việc H, T, Q, W, T cướp tài sản. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi, H được 15 tuổi 02 tháng và Tài được 14 năm 05 tháng (theo kết quả giám định pháp y về độ tuổi) nên H, Tài chưa đủ tuổi

chịu trách nhiệm hình sự về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và Tài chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

Khi H, D, Tài và T tra hỏi, đánh và dọa chém các bị hại thì T, Trâm và W không tham gia. Mặt khác tại thời điểm tội phạm xảy ra, T được 14 tuổi 05 tháng, Trâm được 13 tuổi 05 tháng, do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T, Trâm, W về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ.

Tại thời điểm H, D, Tài bắt Đạt, Cảnh, Lâm về và giữ tại phòng khách nhà bà Tuyết thì Nguyễn Chí Khang ở trong phòng ngủ nhà bà Tuyết chơi điện thoại, không tham gia vào việc tra hỏi hay đe dọa các bị hại. Khi Q, T, W, H, T chiếm đoạt tài sản các bị hại thì Khang đã về nhà ăn cơm, không có mặt tại nhà bà Tuyết. Sau khi, D, T và H cầm thẻ điện thoại mua ma túy về nhà bà Tuyết sử dụng thì Khang cũng sử dụng ma túy nhưng không biết ma túy được mua từ tiền cầm thẻ điện thoại chiếm đoạt của các bị hại nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Khang về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, “Cướp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Minh Toàn, khi H, T, Q, W và T có hành vi bắt, giữ và chiếm đoạt tài sản của Đạt, Cảnh, Lâm thì Toàn không có mặt ở nhà bà Tuyết nên không biết, do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Toàn là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc bắt giữ người, cướp tài sản là trái pháp luật NH vẫn thực hiện. Hành vi của Trần Quang W, Nguyễn Trường Q, Nguyễn Ngọc T, Bùi Đình H, Nguyễn Hữu T và Lê Thành D là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác và quyền tự do của con người, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần thiết phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thành D 2 lần đi tiêu thụ tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Chiếc điện thoại của ngời bị hại Nguyễn Hữu Đạt khi nhận lại bị hư hỏng, Đạt sửa chữa hết 5.000.000đ, các bị cáo T, H, W, T, Q đã góp vào bồi thường nên được hưởng thêm

tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Các người bị hại và đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với 5 bị cáo nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Đình H, Nguyễn Trường Q, Nguyễn Hữu T, Trần Quang W và Nguyễn Thị Ngọc T chưa đủ 18 tuổi, nên được áp dụng Chương XII Bộ luật Hình về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Trong đó Nguyễn Hữu T, Trần Quang W khi phạm tội trên 16 tuổi; Bùi Đình H, Nguyễn Trường Q, và Nguyễn Thị Ngọc T khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T khi phạm tội chỉ mới 14 tuổi 5 tháng 21 ngày. Xét thấy bị cáo T phạm tội khi chỉ hơn 14 tuổi, là bị cáo nhỏ nhất trong nhóm, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra xã hội.

[5] Về nhân thân: Nhân thân các bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Riêng bị cáo Lê Thành D có nhân thân xấu.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người liên quan không có ai có yêu cầu về dân sự nên HĐXX không xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 thanh kim loại có 01 đầu nhọn, 01 đầu bằng, 01 cạnh được mài sắc, kích thước khoảng 60cm và 01 cây kiếm bằng kim loại, có cán cầm bằng gỗ, kích thước 48cm, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Tuyên bố:**

- Nguyễn Hữu T phạm tội: “Giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”.
- Bùi Đình H, Nguyễn Trường Q, Trần Quang W và Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội “Cướp tài sản”.
- Lê Thành D phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

***Căn cứ vào:** điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

***Căn cứ vào:** điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Xử phạt:** bị cáo Trần Quang W 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

***Căn cứ vào:** điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Xử phạt:** bị cáo Bùi Đình H 03 (ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

***Căn cứ vào:** điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Trường Q 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

***Căn cứ vào:** điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Xử phạt:** bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 02 (hai) năm tù, nh cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T cho UBND phường Phú Tài, thành phố P, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

***Căn cứ vào:** điểm đ, e khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

***Xử phạt:** bị cáo Lê Thành D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 09 (chín) tháng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp với bản án số 03/2022/HSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo chấp hành chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 30/12/2021.

***Biện pháp tư pháp:**

*** Áp dụng:** điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại có 01 đầu nhọn, 01 đầu bằng, 01 cạnh được mài sắc, kích thước khoảng 60cm và 01 cây kiếm bằng kim loại, có cán cầm bằng gỗ, kích thước 48cm.

Vật chứng trên có tại Chi cục Thi hành án dân sự tp P theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 80 ngày 20/11/2022.

***Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Bùi Đình H, Nguyễn Trường Q, Trần Quang W, Nguyễn Thị Ngọc T, Lê Thành D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện bị cáo, luật sư bào chữa theo luật định cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/3/2023).

Nơi nhận:

- Theo Điều 262 BLTTHS
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thái Bình